TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THUỶ
TỈNH Th HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36b/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2022
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết**.**

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tiếp và bà Nguyễn Thị Thương.

-*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thuỷ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L sinh năm 1980.

Trú tại: 267/20 khu phố B, phường B, thành phố Th tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn Th sinh năm 1980

Trú tại: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Th hoá. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/03/2022 và bản tự khai nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Trương Văn Th tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2006 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do, anh Th tự ý bỏ nhà đi chị cũng không biết lý do vì sao. Chị đã nói anh về nhưng anh không về. Đến khi con thứ

hai được 04 tuổi anh Th gọi điện về và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên không chấp nhận. Chị và anh Th ly thân nhau từ đó đến nay, cuộc sống không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th và xin Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trương Văn Th trình bày: Anh và chị L tự nguyện kết hôn vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình một thời gian khoảng 03 tháng sau đó ra ở riêng rồi vợ chồng cùng nhau vào miền nam làm ăn. Trong cuộc sống không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2006, do làm ăn kinh tế khó khăn, bản thân chán nản nên anh bỏ đi làm ăn. Từ đó giữa anh và chị L không còn chung sống, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Chị L làm đơn xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh Th có 02 con chung là cháu Trương Công T – Sinh ngày 26/12/2000 và cháu Trương Ngọc T – Sinh ngày 21/03/2007. Cháu Trương Công T đã đủ tuổi thành niên. Còn cháu Trương Ngọc T, chị L có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L có nguyện vọng nuôi con, anh Th đồng ý.

Về tài sản: Chị Lê Thị L và anh Trương Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, điều 15 và điều 53 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 238 - Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về hôn nhân: Đề nghị không công nhận chị Lê Thị L và anh Trương Văn Th là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Trương Công T – Sinh ngày 26/12/2000 đã đủ tuổi thành niên. Còn cháu Trương Ngọc T – Sinh ngày 21/03/20007 giao cho chị L trực tiếp

nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản: Chị L và anh Th không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị L làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trương Văn Th trú tại: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Th Hóa. Do đó, việc chị L khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị L và anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị L và anh Th là tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh và chị chung sống với nhau năm 2000. Đến năm 2006, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, nên anh Th bỏ đi làm ăn. Giữa chị và anh không quan tâm gì đến nhau nữa, tình cảm không còn. Chị và anh sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Hiện tại mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị L là chính đáng. Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Trương Văn Th là vi phạm luật Hôn nhân và gia đình về thủ tục đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 9, khoản 2 điều 53 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử, không công nhận chị Lê Thị L và anh Trương Văn Th là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L và anh Th thống nhất có 02 con chung là cháu Trương Công T – Sinh ngày 26/12/2000 và cháu Trương Ngọc T – Sinh ngày 21/03/2007. Cháu Trương Công T đã đủ tuổi thành niên. Còn cháu Trương Ngọc T, hiện nay đang ở với chị L. Chị có nguyện vọng được nuôi con, anh Th đồng ý, cháu T có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5] Về tài sản: Chị L và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, điều 15 và điều 53 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 238 - Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH qui định về án phí, lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị L và anh Trương Văn Th là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận chị Lê Thị L và anh Trương Văn Th có 02 con chung là cháu Trương Công T – Sinh ngày 26/12/2000 và cháu Trương Ngọc T – Sinh ngày 21/03/2007. Cháu Trương Công T đã đủ tuổi thành niên. Giao cháu Trương Ngọc T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị Lê Thị L và anh Trương Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010313, ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị L đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Vũ Thị Ánh Tuyết

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm Thuỷ.
- TAND tỉnh Th Hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thuỷ.
- UBND xã C, H. C.
- UBND P. Bình Chuẩn, TP. Thuận An
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**